

Bản án số: 26/2025/DS-ST

Ngày: 16 – 4 - 2025

V/v tranh chấp nợ hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Sáu

- Bà Trần Thị Phương Anh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Ngô Văn Trường, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:*** Bà Châu Ngọc Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 323/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “nợ hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 03 năm 2025, giữa các đương sự:

- ***Đồng nguyên đơn:*** Ông Phạm Văn A, sinh năm 1977 và bà Trần Thị T, sinh năm 1977. Cùng địa chỉ: Ấp C, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- ***Đồng bị đơn:*** Ông Trần Văn T1, sinh năm 1977 và bà Võ Kim H, sinh năm 1977. Cùng địa chỉ: Ấp C, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 8 năm 2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 28 tháng 10 năm 2024 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, đồng nguyên đơn bà Trần Thị T, ông Phạm Văn A trình bày: Vợ chồng ông A, bà T có làm chủ hui, vợ chồng ông T1, bà H có tham gia các dây hui như sau:

1. Dây hui thứ nhất là hui 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) một tháng khai một kỳ vào ngày 20/11/2022 âm lịch có 22 chưng, ông T1, bà H tham gia 02 chưng.

Vợ chồng ông T1, bà Hoàng H1 hui kỳ thứ 02 ngày 20/12/2022 âm lịch, để thăm 650.000 đồng, số tiền hốt được là 26.650.000 đồng và hốt kỳ thứ 05 ngày 20/02/2023 âm lịch, để thăm 650.000 đồng, số tiền hốt được là 27.950.000 đồng. Sau khi hốt hui, ông T1 và bà H có đóng hui chết đến kỳ 12 ông T1 và bà Hoàng N đóng hui chết đến khi mãn hui,

dây hụi này đã mãn ngày 20/7/2024 âm lịch. Ông A và bà T đóng hụi chết thay cho ông T1, bà H 11 kỳ (từ kỳ 12 đến kỳ 22) tương đương số tiền là 11 kỳ x 2 chưng, x 2.000.000 đồng = 44.000.000 đồng.

2. Dây hụi thứ hai là hụi 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*), hai tháng khui một kỳ vào ngày 25/7/2022 âm lịch có 16 chưng, vợ chồng ông T1 tham gia 01 chưng.

Vợ chồng ông T1 hốt kỳ thứ 06 ngày 25/4/2023 âm lịch để thăm 3.000.000 đồng, số tiền hốt được là 42.500.000 đồng, ông T1 và bà Hoàng N đóng hụi từ kỳ thứ 8 đến kỳ 14 là 07 kỳ. Tính đến thời điểm ông A, bà T nộp đơn khởi kiện, dây hụi này còn 02 kỳ nữa mãn hụi. Số tiền hụi ông A, bà T đóng hụi thay cho ông T1, bà H là 07 kỳ x 5.000.000 đồng = 35.000.000 đồng.

3. Dây hụi thứ ba là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*), ba tháng khui một kỳ vào ngày 20/7/2020 âm lịch có 16 chưng, vợ chồng ông T1 tham gia 02 chưng.

Vợ chồng ông T1 hốt kỳ đầu để thăm 2.000.000 đồng, số tiền hốt được là 39.500.000 đồng và hốt kỳ thứ 06 vào ngày 20/10/2021 âm lịch để thăm 2.050.000 đồng, số tiền hốt được là 47.000.000 đồng; ông T1 và bà Hoàng N đóng từ kỳ 14 ngày 20/9/2023 âm lịch. Hiện dây hụi này đã mãn ngày 20/3/2024 âm lịch. Ông A, bà T đã đóng hụi thay cho ông T1, bà H số tiền là 03 kỳ x 5.000.000 đồng x 02 chưng = 30.000.000 đồng.

4. Dây hụi thứ tư là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*), ba tháng khui một kỳ vào ngày 15/5/2020 âm lịch có 18 chưng, vợ chồng ông T1 tham gia 01 chưng. Vợ chồng ông T1, bà Hoàng H1 kỳ thứ 04 vào ngày 15/02/2021 âm lịch, để thăm 2.000.000 đồng, số tiền hốt được là 54.500.000 đồng. Sau khi hốt hụi, đến kỳ thứ 15 ông T1 và bà Hoàng N đóng hụi chết. Hiện dây hụi này đã mãn vào ngày 15/7/2024 âm lịch. Ông A, bà T đã đóng hụi thay cho ông T1, bà H số tiền 04 kỳ x 5.000.000 đồng = 20.000.000 đồng.

5. Dây hụi thứ năm là: 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*), ba tháng khui một kỳ vào ngày 29/01/2022 âm lịch, có 17 chưng, vợ chồng ông T1 tham gia 02 chưng.

Vợ chồng ông T1 hốt kỳ thứ 02 ngày 29/4/2022 âm lịch, để thăm 2.000.000 đồng, số tiền hốt được là 44.500.000 đồng và hốt kỳ thứ 04 ngày 29/10/2022 âm lịch để thăm 2.250.000 đồng, số tiền hốt được là 43.250.000 đồng. Sau khi hốt hụi, ông T1, bà H có đóng hụi chết đến kỳ thứ 8 ngày 29/9/2023 ông T1, bà H ngưng đóng hụi chết. Ông A, bà T đứng ra đóng hụi chết cho ông T1, bà H 04 kỳ (từ kỳ 8 đến kỳ 11) x 5.000.000 đồng x 02 chưng = 40.000.000 đồng. Tính đến thời điểm khởi kiện, còn 06 kỳ nữa hụi mới mãn, ngày mãn hụi là ngày 29/12/2025 âm lịch.

6. Dây hụi thứ sáu là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), bốn tháng khui một kỳ vào ngày 06/12/2021 âm lịch có 15 chưng, vợ chồng ông T1 tham gia 01 chưng. Vợ chồng ông T1 hốt kỳ thứ 03 ngày 06/8/2021 âm lịch, để thăm 4.200.000 đồng, số tiền hốt được là 85.600.000 đồng, ngưng đóng từ kỳ thứ 10, 11, 12 là 03 kỳ. Số tiền hụi ông A, bà T đóng hụi thay cho ông T1, bà H là 03 kỳ x 10.000.000 đồng = 30.000.000 đồng. Tính đến thời điểm nộp đơn khởi kiện, còn 03 kỳ nữa dây hụi này mới mãn, mãn hụi ngày 06/7/2025 âm lịch.

7. Dây hui thứ bảy là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), bốn tháng khui một kỳ vào ngày 10/12/2022 âm lịch có 14 chưng. Trong đó vợ chồng ông T1 tham gia 01 chưng. Vợ chồng ông T1 hốt kỳ thứ 03 ngày 10/7/2023 âm lịch, để thăm 6.500.000 đồng, số tiền hốt được là 54.500.000 đồng, ngưng đóng từ kỳ thứ 04, 05, 06. Số tiền ông A, bà T đóng hui thay cho ông T1, bà H 04 kỳ hui chết là 40.000.000 đồng. Tính đến thời điểm nộp đơn khởi kiện, dây hui này còn 08 kỳ mới mãn, ngày mãn hui là ngày 10/3/2027.

. Dây hui thứ tám là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), bốn tháng khui một kỳ vào ngày 25/02/2022 (âm lịch) có 17 chưng, vợ chồng ông T1 tham gia 02 chưng.

Vợ chồng ông T1 hốt kỳ thứ 02 ngày 25/6/2022 âm lịch, để thăm 4.400.000 đồng, số tiền hốt được là 90.000.000 đồng và hốt kỳ thứ 05 ngày 25/5/2023 âm lịch để thăm 6.200.000 đồng, số tiền hốt được là 71.600.000 đồng, ngưng đóng hui từ kỳ thứ 07, 08, 09. Ông A, bà T đóng hui chết thay cho ông T1, bà H số tiền là 03 kỳ hui chết x 02 chưng = 60.000.000 đồng. Tính đến thời điểm nộp đơn khởi kiện, dây hui này còn 08 kỳ nữa mới mãn, ngày mãn hui là ngày 10/3/2027 âm lịch.

Đơn khởi kiện, ông A, bà T yêu cầu ông T1, bà H thanh toán số tiền hui mà ông A, bà T đóng hui thay cho ông T1, bà H là 246.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đồng bị đơn ông Trần Văn T1, bà Võ Kim H không có lời khai trong hồ sơ vụ án. Do nhiều lần Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập ông Trần Văn T1, bà Võ Kim H đến Tòa làm việc nhưng ông Trần Văn T1, bà Võ Kim H không đến, Tòa án đến nhà lấy lời khai thì ông Trần Văn T1, bà Võ Kim H không có nhà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Về tố tụng: Đồng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đồng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn A, bà Trần Thị T về yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn T1, bà Võ Kim H trả tiền nợ hui là 44.000.000 đồng (dây hui thứ nhất) + 25.000.000 đồng (dây hui thứ 02) + 30.000.000 đồng (dây hui thứ 03) + 20.000.000 đồng (dây hui thứ 04) + 40.000.000 đồng (dây hui thứ 05) + 30.000.000 đồng (dây hui thứ 06) + 30.000.000 đồng (dây hui thứ 07) + 40.000.000 đồng (dây hui thứ 08) = 259.000.000 đồng – 43.000.000 đồng (Do ông T1 bà H trả các lần đóng hui) = 216.000.000 đồng.

Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn A, bà Trần Thị T do ông A, bà T rút 01 phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn T1, bà Võ Kim H trả tiền nợ hui 40.000.000 đồng cho hui viên gồm ông Lê Thanh T2 là 5.000.000 đồng, ông Trịnh Văn Đ là 5.000.000 đồng (dây hui thứ 2 mở ngày 25/07/2022 âm), ông Phạm Văn H2 là 20.000.000 đồng (dây hui thứ 8 ngày 25/02/2022 âm) và rút số tiền chênh lệch 10.000.000 đồng tại dây hui thứ 7 (ngày 10/12/2022 âm) do tính nhầm trong đơn khởi kiện.

Về án phí dân sự có giá ngạch ông A, bà T không phải chịu; ông T1, bà H phải chịu toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 05 tháng 09 năm 2024, bà Trần Thị T và ông Phạm Văn A nộp đơn khởi kiện đến Tòa án tranh chấp hui với đồng bị đơn ông Trần Văn T1 và bà Võ Kim H. Khi khởi kiện ông Trần Văn T1 và bà Võ Kim H cư trú tại ấp C, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, đồng bị đơn ông Trần Văn T1 và bà Võ Kim H đã được triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T1, bà H theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T và ông Phạm Văn A về việc yêu cầu ông Trần Văn T1 và bà Võ Kim H thanh toán số tiền hui 246.000.000 đồng

[2.1]. Đối với dây hui thứ nhất là hui 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) một tháng khai một kỳ vào ngày 20/11/2022, có 22 chung, ông T1, bà H tham gia 02 chung. Sau khi hốt hui, ông T1 và bà H có đóng hui chết đến kỳ 12 ông T1 và bà Hoàng N đóng hui chết đến khi mãn hui, dây hui này đã mãn ngày 20/7/2024 âm lịch. Ông A và bà T đóng hui chết thay cho ông T1, bà H 11 kỳ (từ kỳ 12 đến kỳ 22) tương đương số tiền là 11 kỳ x 2 chung, x 2.000.000 đồng = 44.000.000 đồng.

Căn cứ biên bản xác minh ông Phạm Văn V (Bút lục 77) là hui viên tên “Út Bé”, bà Tăng Thị T3 (Bút lục 95) là hui viên tên “Tư Minh”, ông Trần Thanh H3 (Bút lục 109) là hui viên tên “5 H3”, bà Dương Ngọc T4 (Bút lục 98) là hui viên tên “Lên” xác định ông T1 và bà H có tham gia chơi 02 chung hui, hốt hui kỳ 2 và kỳ 5. Khi ông V, ông H3, bà T3, bà T4 hốt hui thì ông A đã giao hui đầy đủ và hiện dây hui này đã mãn. Xét thấy, sau khi hốt hui, việc ông T1 và bà H không tiếp tục đóng hui chết theo thỏa thuận cho ông A, bà T là vi phạm Điều 16 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về hui, họ, biêu, phường và qua nội dung xác minh các hui viên như trên, hiện dây hui đã mãn nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông A, bà T về yêu cầu ông T1, bà H trả tiền nợ hui là 44.000.000 đồng.

[2.2]. Đối với dây hui thứ hai là hui 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*), hai tháng khai một kỳ vào ngày 25/7/2022 âm lịch, có 16 chung, vợ chồng ông T1 tham gia 01 chung và đã hốt kỳ thứ 06 ngày 25/4/2023 âm lịch, ông T1 và bà Hoàng N đóng hui từ kỳ hui thứ 8 đến kỳ 14 là 07 kỳ. Tính đến thời điểm ông A, bà T nộp đơn khởi kiện, dây hui này còn 02 kỳ nữa mới mãn. Số tiền hui ông A, bà T đóng hui thay cho ông T1, bà H là 07 kỳ x 5.000.000 đồng = 35.000.000 đồng.

Căn cứ biên bản xác minh và biên bản lấy lời khai của ông Đoàn Văn C là hui viên tên “Dì 3 Chơn” là mẹ ông là bà Dương Thị B; bà Nguyễn Thị C1 là hui viên tên “Bích Tiên” tên Phạm Thị T5; bà Phạm Thị B1 là hui viên tên “Hai Bé” tên Phạm Văn B2; bà Trần Thị H4 là hui viên tên “7 Hằng” đều thống nhất trình bày khi hốt hui, chủ hui ông A bà T có giao tiền hui đầy đủ.

Tại phiên toà, Thẩm phán công bố Biên bản hoà giải ngày 18/11/2024 xác định bà Nguyễn Thị Á được ông A, bà T giao hui và ông A bà T xin rút 01 phần yêu cầu tiền nợ hui

đối với ông T1 và bà H đối với hội viên ông Lê Thanh T2 là 5.000.000 đồng, ông Trịnh Văn Đ là 5.000.000 đồng.

Xét thấy, việc ông T1 bà H không tiếp tục đóng hội chết theo thoả thuận cho ông A và bà T là vi phạm Điều 16 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về hội, họ, biểu, phường và ông A, bà T đã thực hiện nghĩa vụ đóng thay tiền hội chết cho ông T1 bà H cho các hội viên gồm bà Dương Thị B, bà Phạm Thị T5, bà Phạm Văn B2, bà Trần Thị H4, bà Nguyễn Thị Á nên có căn cứ chấp nhận 01 phần yêu cầu của ông A, bà T về yêu cầu ông T1, bà H trả tiền nợ hội là 05 kỳ x 5.000.000 đồng = 25.000.000 đồng. Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện số tiền 10.000.000 đồng do ông A bà T xin rút 01 phần yêu cầu tiền nợ hội đối với ông T1, bà H đối với hội viên ông Lê Thanh T2 là 5.000.000 đồng, ông Trịnh Văn Đ là 5.000.000 đồng.

[2.3]. Đối với dây hội thứ ba là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*), ba tháng khai một kỳ vào ngày 20/7/2020 âm lịch có 16 chưng, vợ chồng ông T1 tham gia 02 chưng đều đã hốt. Sau khi hốt hội, ông T1 và bà Hoàng N đóng hội chết từ kỳ 14 ngày 20/9/2023 âm lịch đến kỳ 16 (mãn hội) là ngày 20/3/2024 âm lịch. Ông A, bà T đã đóng hội thay cho ông T1, bà H số tiền là 03 kỳ x 5.000.000 đồng x 02 chưng = 30.000.000 đồng.

Căn cứ biên bản xác minh đối với bà Phạm Thị B1 (Bút lục 91) là hội viên tên “Hai Bé” tức ông Phạm Văn B2; bà Nguyễn Thị C1 (Bút lục A) là hội viên tên “Bích Tiên” tức Phạm Thị T5; ông Trần Thanh H3 (Bút lục 109) là hội viên; bà Trần Thị Ánh H5 (Bút lục F) là hội viên; bà Võ Kim P (Bút lục 104) là hội viên tên “Lai Phụng” đều xác định ông T1, bà H có tham gia hội, hốt kỳ đầu và kỳ thứ 6, ông A bà T đã giao hội đầy đủ và hiện hội đã mãn.

Xét thấy, việc ông T1 bà H không tiếp tục đóng hội chết theo thoả thuận cho ông A bà T là vi phạm Điều 16 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về hội, họ, biểu, phường và qua nội dung xác minh các hội viên như trên xác định khi hốt hội, ông A, bà T giao hội đầy đủ, đã mãn hội nên có căn cứ chấp nhận 01 phần yêu cầu của ông A, bà T về yêu cầu ông T1, bà H trả tiền nợ hội là 30.000.000 đồng.

[2.4]. Đối với dây hội thứ tư là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*), ba tháng khai một kỳ vào ngày 15/5/2020 (âm lịch) có 18 chưng, vợ chồng ông T1 tham gia 01 chưng và đã hốt kỳ 4. Sau khi hốt hội, đến kỳ thứ 15 ông T1 và bà Hoàng N đóng hội chết. Hiện dây hội này đã mãn vào ngày 15/7/2024 âm lịch. Ông A, bà T đã đóng hội thay cho ông T1, bà H số tiền 04 kỳ x 5.000.000 đồng = 20.000.000 đồng.

Căn cứ biên bản xác minh đối với ông Đoàn Thanh H6 (Bút lục 74) là hội viên tên “5 Xuân”, bà Trần Thị Sáu E (Bút lục 101) là hội viên tên “6 Em”, bà Phạm Thị N1 (Bút lục 86) là hội viên tên “Nào”, bà Tăng Thị T3 (Bút lục 95) là hội viên tên “Số Minh” xác định ông T1, bà H có tham gia chơi 01 chưng hội, hốt hội kỳ 4, ông A đã giao hội đầy đủ khi các hội viên hốt hội, hiện dây hội này đã mãn.

Xét thấy, việc ông T1 bà H không tiếp tục đóng hội chết theo thoả thuận cho ông A, bà T là vi phạm Điều 16 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về hội, họ, biểu, phường và qua nội dung xác minh các hội viên như trên, đã mãn hội nên có căn cứ chấp nhận 01 phần yêu cầu của ông A, bà T về yêu cầu ông T1, bà H trả tiền nợ hội là 20.000.000 đồng.

[2.5]. Đối với dây hội thứ năm là: 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*), ba tháng khai một kỳ vào ngày 29/01/2022 âm lịch có 17 chưng, vợ chồng ông T1 tham gia 02 chưng, đã hết kỳ thứ 02 ngày 29/4/2022 (âm lịch) và hết kỳ thứ 04 ngày 29/10/2022 (âm lịch). Sau khi hết hội, ông T1, bà H có đóng hội chết đến kỳ thứ 8 ngày 29/9/2023 ông T1, bà H ngưng đóng hội chết. Ông A, bà T đứng ra đóng hội chết cho ông T1, bà H 04 kỳ (từ kỳ 8 đến kỳ 11) x 5.000.000 đồng x 02 chưng = 40.000.000 đồng. Tính đến thời điểm khởi kiện, còn 06 kỳ nữa hội mới mãn, ngày mãn hội là ngày 29/12/2025 âm lịch.

Căn cứ lời khai bà Trịnh Thu H7 (Bút lục 129) là hội viên trình bày bà và ông A chót hội đến kỳ thứ 9 và kể từ kỳ thứ 10 ông A chơi tiếp theo; bà Phạm Thị X (Bút lục 121) là hội viên tên “Sở (S)” hết hội vào kỳ thứ 3 được giao hội đầy đủ; bà Nguyễn Thị C1 (Bút lục A) là hội viên tên “Tư Sử” trình bày chưa hết hội; bà Nguyễn Thị D là hội viên; bà Nguyễn Thị H8 (Bút lục 118) là hội viên tên “Thơ (Đ1)” đều thống nhất trình bày khi hết hội thì chủ hội ông A bà T có giao tiền hội đầy đủ, ông T1 bà H đã hết hội kỳ thứ 2 và kỳ thứ 4.

Tại phiên toà, Thẩm phán công bố Biên bản hoà giải ngày 18/11/2024 xác định bà Nguyễn Thị Ánh T6 bà Nguyễn Thị N2 (Phan Thị N3) chơi hội và được ông A, bà T giao hội trong vụ án này.

Xét thấy, việc ông T1, bà H không tiếp tục đóng hội chết theo thoả thuận cho ông A, bà T là vi phạm Điều 16 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về hội, họ, biêu, phường và ông A, bà T đã thực hiện nghĩa vụ đóng thay tiền hội chết cho ông T1 bà H cho các hội viên gồm bà Nguyễn Thị H8, bà Trịnh Thu H7 (ông A tiếp tục chơi kỳ thứ 10), bà Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị N2 (Phan Thị N3) tức do bà Nguyễn Thị Ánh C2 thay nên có căn cứ chấp nhận 01 phần yêu cầu của ông A, bà T về yêu cầu ông T1, bà H trả tiền nợ hội là 04 kỳ x 02 chưng x 5.000.000 đồng = 40.000.000 đồng.

[2.6]. Đối với dây hội thứ sáu là: 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), bốn tháng khai một kỳ vào ngày 06/12/2020 âm lịch có 15 chưng, vợ chồng ông T1 tham gia 01 chưng. Vợ chồng ông T1 hết kỳ thứ 03 ngày 06/8/2021 âm lịch, ngưng đóng từ kỳ thứ 10, 11, 12 là 03 kỳ. Số tiền hội ông A, bà T đóng hội thay cho ông H, bà T1 là 03 kỳ x 10.000.000 đồng = 30.000.000 đồng. Tính đến thời điểm nộp đơn khởi kiện, còn 03 kỳ nữa dây hội này mới mãn, mãn hội ngày 06/7/2025 âm lịch.

Căn cứ biên bản xác minh và biên bản lấy lời khai đối với bà Trần Lệ H9 (Bút lục 83) là hội viên tên “7 Bình”; ông Trần Thanh H3 (Bút lục 109) là hội viên; bà Nguyễn Thị H8 (Bút lục A) là hội viên tên “Ca”; bà Phạm Thị B1 (Bút lục 91) là hội viên tên “2 Bé” tức Phạm Văn B2, ông Phạm Văn A (chủ hội) đều thống nhất trình bày khi hết hội thì chủ hội ông A bà T có giao tiền hội đầy đủ.

Xét thấy, việc ông T1 bà H không tiếp tục đóng hội chết theo thoả thuận cho ông A bà T là vi phạm Điều 16 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về hội, họ, biêu, phường và ông A bà T đã thực hiện nghĩa vụ đóng thay tiền hội chết cho ông T1 bà H cho 03 hội viên do ông T1 bà H chưa đóng hội chết gồm ông Trần Thanh H3, bà Phạm Văn B2 (Phạm Thị B1), ông Phạm Văn A nên có căn cứ chấp nhận 01 phần yêu cầu của ông A, bà T về yêu cầu Toà án buộc ông T1 bà H trả tiền nợ hội là 03 x 10.000.000 đồng = 30.000.000 đồng.

[2.7]. Đối với dây hội thứ bảy là: 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), bốn tháng khai một kỳ vào ngày 10/12/2022 âm lịch có 14 chứng. Trong đó vợ chồng ông T1 tham gia 01 chứng. Vợ chồng ông T1 hốt kỳ thứ 03 ngày 10/7/2023 (âm lịch), ngưng đóng từ kỳ thứ 04, 05, 06. Số tiền ông A, bà T đóng hội thay cho ông T1, bà H 04 kỳ hội chết là 40.000.000 đồng. Tính đến thời điểm nộp đơn khởi kiện, dây hội này còn 08 kỳ mới mãn, ngày mãn hội là ngày 10/3/2027.

Căn cứ biên bản lấy lời khai của ông Phạm Văn V (Bút lục 77) là hội viên tên “Út Bé” hốt hội kỳ thứ 3; bà Trần Kim T7 (Bút lục G) là hội viên tên “Út Kiều” tức Nguyễn Thị K (con gái bà T7); bà Trần Thị Mỹ L, ông Phạm Văn A (chủ hội) đều thống nhất trình bày khi hốt hội thì chủ hội ông A bà T có giao tiền hội đầy đủ.

Quá trình giải quyết vụ án, ông A bà T xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện số tiền hội 10.000.000 đồng do trong đơn khởi kiện của dây hội thứ 7 tính nhằm 10.000.000 đồng.

Xét thấy, việc ông T1 bà H không tiếp tục đóng hội chết theo thoả thuận cho ông A bà T là vi phạm Điều 16 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về hội, họ, biêu, phường và ông A, bà T đã thực hiện nghĩa vụ đóng thay tiền hội chết cho ông T1 bà H cho các hội viên gồm ông Phạm Văn A, bà Nguyễn Thị K (bà Trần Kim T7), bà Trần Thị Mỹ L còn đối với ông Phạm Văn V thì hốt ở kỳ 3 phía ông T1, bà H đã đóng rồi nên có căn cứ chấp nhận 01 phần yêu cầu của ông A, bà T về yêu cầu Toà án buộc ông T1 bà H trả tiền nợ hội là $03 \times 10.000.000 \text{ đồng} = 30.000.000 \text{ đồng}$ và đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện số tiền hội 10.000.000 đồng do trong đơn khởi kiện tính nhằm 10.000.000 đồng.

[2.8]. Đối với dây hội thứ tám là: 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), bốn tháng khai một kỳ vào ngày 25/02/2022 âm lịch có 17 chứng, vợ chồng ông T1 tham gia 02 chứng. Vợ chồng ông T1 hốt kỳ thứ 02 ngày 25/6/2022 âm lịch và hốt kỳ thứ 05 ngày 25/5/2023 âm lịch, để thăm 6.200.000 đồng, số tiền hốt được là 71.600.000 đồng, ngưng đóng hội từ kỳ thứ 07, 08, 09. Ông A, bà T đóng hội chết thay cho ông T1, bà H số tiền là $03 \text{ kỳ hội chết} \times 02 \text{ chứng} = 60.000.000 \text{ đồng}$. Tính đến thời điểm nộp đơn khởi kiện, dây hội này còn 08 kỳ nữa mới mãn, ngày mãn hội là ngày 10/3/2027 âm lịch.

Căn cứ biên bản lấy lời khai của bà Trần Lệ H9 (Bút lục 83) là hội viên tên “7 B3” chưa hốt dây hội này, ông T1 bà H đã hốt hội kỳ thứ 2 và kỳ thứ 5, dây hội này ông A vẫn tiếp tục duy trì; bà Nguyễn Cẩm T8 là hội viên tên “Bé T8”; bà Trần Thị Mỹ L trình bày khi hốt hội thì chủ hội ông A bà T có giao tiền hội đầy đủ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, ông A bà T xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện số tiền hội 20.000.000 đồng do yêu cầu ông T1 bà H trả số tiền đóng thay cho hội viên ông Phạm Văn H2.

Xét thấy, việc ông T1 bà H không tiếp tục đóng hội chết theo thoả thuận cho ông A bà T là vi phạm Điều 16 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về hội, họ, biêu, phường và ông A bà T đã thực hiện nghĩa vụ đóng thay tiền hội chết cho ông T1 bà H cho các hội viên bà Nguyễn Cẩm T8, bà Trần Thị Mỹ L theo quy định tại Điều 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về hội, họ, biêu, phường nên có căn cứ chấp nhận 01 phần yêu cầu của ông A, bà T về yêu cầu Toà án buộc ông T1 bà H trả tiền nợ hội là $02 \times 02 \text{ chứng} \times 10.000.000 \text{ đồng} = 40.000.000 \text{ đồng}$.

Và đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện số tiền 20.000.000 đồng do ông A bà T xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện số tiền hui 20.000.000 đồng do yêu cầu ông T1 bà H trả số tiền đóng thay cho hui viên ông Phạm Văn H2.

[3]. Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định giữa ông T1, bà H có tham gia chơi hui theo các dây hui mà ông A, bà T khởi kiện. Việc ông T1, bà Hoàng H1 hui nhưng không đóng hui chết cho chủ hui, đã vi phạm nghĩa vụ của hui viên đối với chủ hui. Ông T1 và bà H biết rõ mình đang nợ ông A, bà T nhưng từ bỏ quyền, nghĩa vụ không đến Tòa án trình bày ý kiến. Căn cứ biên bản xác minh ngày 25 tháng 12 năm 2024 Trưởng ấp C, xã C, huyện V là bà Nguyễn Thanh T9 xác định hiện ông T1 và bà H vẫn còn cư trú địa phương, đi cầm vịt nên không có nhà; ông T1 và bà H vẫn sống chung, làm kinh tế chung. Từ đó có căn cứ xác định số tiền nợ hui mà ông A, bà T kiện ông T1, bà H là nợ chung của ông T1, bà H; cần buộc ông T1, bà H có trách nhiệm trả cho ông A, bà T số tiền hui 216.000.000 đồng. Chấp nhận rút một phần yêu cầu khởi kiện và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông A, bà T đối với ông T1, bà H đối với số tiền hui 40.000.000 đồng.

[4]. Về án phí: Ông Trần Văn T1, bà Võ Kim H phải chịu số tiền án phí dân sự có giá ngạch là 10.800.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi. Ông Phạm Văn A, bà Trần Thị T không phải chịu án phí. Ông Phạm Văn A, bà Trần Thị T đã nộp tạm ứng án phí 6.400.000 đồng theo Biên lai số 0004398 ngày 04/11/2024, được hoàn lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi.

[5]. Từ những phân tích trên chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về hui, họ, bieu, phường; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn A, bà Trần Thị T đối với ông Trần Văn T1, bà Võ Kim H về việc trả số tiền nợ hui 216.000.000 đồng (hai trăm mười sáu triệu đồng).

2. Buộc ông Trần Văn T1, bà Võ Kim H cùng có trách nhiệm thanh toán cho ông Phạm Văn A, bà Trần Thị T số tiền nợ hui 216.000.000 đồng (hai trăm mười sáu triệu đồng).

Kể từ ngày ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn A, bà Trần Thị T đối với ông Trần Văn T1, bà Võ Kim H về số tiền nợ hui 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn A, bà Trần Thị T đối với ông Trần Văn T1, bà Võ Kim H về số tiền nợ hui 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Trần Văn T1, bà Võ Kim H phải chịu số tiền án phí dân sự có giá ngạch là 10.800.000 đồng (mười triệu tám trăm nghìn đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi. Ông Phạm Văn A, bà Trần Thị T không phải chịu án phí. Ông Phạm Văn A, bà Trần Thị T đã nộp tạm ứng án phí 6.400.000 đồng (sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0004398 ngày 04/11/2024, được hoàn lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- THADS huyện Vĩnh Lợi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thụy Lan Chi